

BÀN VỀ PHẠM VI, ĐIỀU KIỆN VÀ THẨM QUYỀN ÁP DỤNG THỦ TỤC RÚT GỌN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003

*Nguyễn Văn Quảng**

1. Mục đích, ý nghĩa của việc áp dụng thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự

1.1 Sự hình thành và đặc điểm của thủ tục rút gọn trong Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003

Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) năm 1988 là BLTTHS đầu tiên của nước ta và trong Bộ luật này không quy định trình tự thủ tục rút gọn khi giải quyết các vụ án hình sự. Tuy nhiên, sau một thời gian dài áp dụng BLTTHS năm 1988 vào thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cho thấy: cần phải có một trình tự thủ tục đặc biệt để giải quyết và xử lý nhanh loại án ít nghiêm trọng, đơn giản chứng cứ rõ ràng nhằm tránh sự ùn tắc, ứ đọng án ở nhiều địa phương; tránh sự quá tải ở các trại tạm giam. Chính vì vậy, Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/12/2002 của Bộ Chính trị đã có chỉ đạo: *ngiên cứu để quy định và thực hiện thủ tục rút gọn đối với những vụ án đơn giản, phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng, hậu quả ít nghiêm trọng.*

Quán triệt sự chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 08 và nhằm đáp ứng thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, BLTTHS năm 2003 đã dành một chương XXXIV gồm 7 điều quy định về thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự. So với BLTTHS năm 1988 thì đây là một chương mới trong BLTTHS năm 2003. Tuy nhiên, nhìn lại quá khứ, đây không phải là vấn đề hoàn toàn mới trong pháp luật tố tụng hình sự nước ta. Bởi vì, từ năm 1946 trong Sắc lệnh số 51 ngày 17/4/1946 của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà đã đề cập đến thủ tục rút ngắn đối với các việc tiểu hình, phạm tội quả tang. Sau đó, trong Pháp lệnh ngày

23/3/1961 quy định về tổ chức của Tòa án cũng hướng dẫn thực hiện vấn đề này. Đến năm 1974, Thủ tướng Chính phủ có Thông tư số 139 ngày 28/5/1974 chỉ đạo: *đối với những vụ án phạm tội quả tang không thuộc loại trọng án có đủ chứng cứ, bị can nhận tội... thì cơ quan công an lập biên bản đưa sang Viện kiểm sát nhân dân để quyết định chuyển thẳng ra Tòa án xét xử.* Để thực hiện Thông tư 139 của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao có Thông tư số 10 ngày 08/7/1974, Bộ Công an có Chỉ thị số 954 ngày 17/8/1974 hướng dẫn về việc áp dụng thủ tục rút ngắn trong việc điều tra, truy tố, xét xử một số loại án hình sự. Theo các văn bản nói trên, chỉ áp dụng thủ tục rút ngắn đối với một số loại tội như: trộm cắp, cướp giật, gây rối chung, nấu rượu lậu, lạm sát gia súc, hành hung người khác... mà việc phạm pháp có tính chất quả tang, sự việc đơn giản, rõ ràng, căn cước bị cáo đã được xác định rõ, hình phạt tối đa không quá 2 năm và bị cáo đã nhận tội. Khi áp dụng thủ tục này Viện kiểm sát nhân dân có thể truy tố mà không cần có cáo trạng, thời hạn để Tòa án mở phiên tòa là 7 ngày.

Như vậy, trong một thời gian dài, thủ tục rút gọn (hay còn gọi là thủ tục rút ngắn) đã được áp dụng trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm. Đến năm 1988 khi BLTTHS đầu tiên của nước ta ra đời thì thủ tục rút ngắn không được quy định trong Bộ luật này. Tuy nhiên, xuất phát từ yêu cầu đấu tranh phòng, chống một số tội phạm, liên ngành Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ đã có Thông tư số 12 ngày 31/12/1990 hướng dẫn việc điều tra, truy tố, xét xử một số tội phạm như *buôn lậu, buôn bán hàng cấm, dẫu cơ, huỷ hoại vũ khí... nếu thuộc trường hợp kẻ phạm tội bị bắt giữ cùng các hàng hoá phạm pháp;*

* Thạc sĩ Luật học, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng.

kể phạm tội có căn cứ rõ ràng, sự việc phạm tội rõ ràng, không có yêu cầu điều tra mở rộng án... thì thời gian điều tra các loại án này cần được thực hiện trong thời hạn không quá 10 ngày, thời hạn truy tố không quá 05 ngày, thời hạn chuẩn bị xét xử không quá 05 ngày và phải xét xử vào ngày thứ 10 kể từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, mặc dù không được quy định trong BLTTHS năm 1988, nhưng trên thực tế thủ tục rút ngắn vẫn được thực hiện đối với một số loại tội phạm cụ thể.

Có thể khẳng định, quy định của các điều từ 318 đến 324 trong chương XXXIV (phần thủ tục đặc biệt) của BLTTHS 2003 đã thể chế hoá cụ thể các quan điểm chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết 08 và tiếp thu những ưu điểm của thủ tục rút ngắn trong thủ tục tố tụng hình sự trước đây.

Nghiên cứu các quy định về thủ tục rút gọn trong BLTTHS năm 2003 cho thấy có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất: chỉ áp dụng thủ tục rút gọn trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và khi có đủ 4 điều kiện: người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang; sự việc phạm tội đơn giản; chứng cứ rõ ràng; tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng; người phạm tội có căn cứ, lý lịch rõ ràng.

Thứ hai: tổng số thời gian điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm khi áp dụng thủ tục rút gọn được rút ngắn đáng kể so với thủ tục thông thường (không quá 30 ngày). Thời gian tạm giữ, tạm giam cũng rất ngắn (tạm giữ không quá 3 ngày, tạm giam để điều tra và truy tố không quá 16 ngày, tạm giam để chuẩn bị xét xử không quá 14 ngày). Một số thủ tục khác cũng được đơn giản đi rất nhiều như: khi kết thúc điều tra, cơ quan điều tra không cần làm bản kết luận điều tra mà thay bằng quyết định đề nghị truy tố; khi truy tố Viện kiểm sát không phải làm bản cáo trạng mà ra quyết định truy tố.

Thứ ba: khi áp dụng thủ tục rút gọn phải thực hiện theo quy định của Chương XXXIV, nhưng đồng thời phải thực hiện theo các quy định khác của BLTTHS mà

không trái với những quy định của chương này như: đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo.

Thứ tư: cơ quan có thẩm quyền áp dụng thủ tục rút gọn là Viện kiểm sát (trên cơ sở đề nghị của Cơ quan điều tra hoặc tự Viện kiểm sát quyết định).

Như vậy, thủ tục rút gọn là một trình tự tố tụng đặc biệt do Viện kiểm sát quyết định khi có đủ các điều kiện theo quy định của BLTTHS; là trình tự được rút ngắn về thời gian và giảm lược một số thủ tục trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm nhưng vẫn phải tuân thủ theo các nguyên tắc chung của BLTTHS, nhằm xử lý một số loại vụ án được nhanh chóng và hiệu quả.

1.2 Mục đích, ý nghĩa của thủ tục rút gọn

- Áp dụng thủ tục rút gọn nhằm thúc đẩy nhanh quá trình giải quyết các vụ án ít nghiêm trọng, đơn giản, chứng cứ rõ ràng, hạn chế việc tồn đọng án ở một số địa phương, khắc phục tình trạng quá tải trong nhà tạm giữ, trại giam. Đồng thời còn tạo điều kiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng có thời gian và lực lượng tập trung giải quyết tốt hơn những loại án nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và những loại án có nhiều bị can, án phạm tội có tổ chức...

- Thủ tục rút gọn là biện pháp quan trọng để tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí cho việc điều tra, truy tố, xét xử một số loại tội phạm nhất định; qua đó, sẽ tăng cường hiệu quả của việc đấu tranh phòng, chống với các tội phạm ít nghiêm trọng.

- Việc áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết nhanh chóng, không chỉ sớm đưa tội phạm ra xử lý trước pháp luật, mà còn nhanh chóng khôi phục lại các quan hệ xã hội bị xâm phạm, người bị hại sớm được bồi thường, người phạm tội cũng có điều kiện sớm được cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội. Điều này có tác dụng rất lớn trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Việc quy định thủ tục rút gọn trong BLTTHS năm 2003 đã đánh dấu một bước tiến mới trong lịch sử lập pháp của tố tụng

hình sự Việt Nam. Nó không chỉ là sự tiếp thu và phát triển những ưu điểm của thủ tục rút ngắn trước đây mà còn thể hiện sự hội nhập với các xu hướng tố tụng chung của các nước có nền tố tụng tiên tiến trên thế giới.

2. Phạm vi, điều kiện và thẩm quyền áp dụng thủ tục rút gọn

2.1 Phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn

Điều 318 BLTTHS năm 2003 quy định thủ tục rút gọn chỉ được áp dụng trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm. Điều này có nghĩa: ở giai đoạn xét xử phúc thẩm; giám đốc thẩm; tái thẩm không được áp dụng thủ tục rút gọn (khoản 5 Điều 324). Cụ thể là một vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn nhưng sau khi xét xử sơ thẩm mà có kháng cáo hoặc kháng nghị thì việc xét xử phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm, tái thẩm đối với vụ án đó phải được áp dụng theo đúng trình tự tố tụng chung mà không được áp dụng thủ tục rút gọn. Tuy nhiên, dưới góc độ lý luận và thực tiễn vẫn có nhiều ý kiến về phạm vi của thủ tục rút gọn. Có ý kiến cho rằng, đối với các vụ án đủ điều kiện áp dụng theo thủ tục rút gọn thì cần áp dụng thủ tục xét xử sơ chung thẩm (bản án sẽ có hiệu lực pháp luật ngay). Bản án được tuyên theo thủ tục rút gọn nếu phát hiện có sai lầm thì có thể được khắc phục theo trình tự giám đốc thẩm. Như vậy, vụ án giải quyết theo thủ tục rút gọn không có trình tự xét xử phúc thẩm¹.

Qua nghiên cứu chúng tôi thấy vẫn cần phải có trình tự xét xử phúc thẩm khi có kháng cáo, kháng nghị đối với các vụ án giải quyết theo thủ tục rút gọn để đảm bảo nguyên tắc xét xử hai cấp và quyền lợi của bị cáo. Tuy nhiên, thủ tục rút gọn được áp dụng khi xét xử phúc thẩm, theo hướng: *chỉ cần xét xử bút lục và không cần phải tiến hành đầy đủ các thủ tục như của phiên toà phúc thẩm thông thường.*

Mặc dù phạm vi thủ tục rút gọn được áp dụng từ giai đoạn khởi tố vụ án đến khi ra bản án sơ thẩm, nhưng không có nghĩa đã áp dụng

thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án thì không được áp dụng theo thủ tục chung. Bởi vì, xuất phát từ mục đích của thủ tục rút gọn chỉ để giải quyết nhanh chóng các vụ án đơn giản, rõ ràng nên khi mất đi các yếu tố đó thì cũng không còn cơ sở để áp dụng thủ tục rút gọn. Do đó, trong trường hợp đã áp dụng thủ tục rút gọn nhưng hồ sơ vụ án phát sinh các vấn đề cần phải điều tra bổ sung hoặc phải tạm đình chỉ vụ án thì quyết định áp dụng thủ tục rút gọn phải bị huỷ bỏ và vụ án được giải quyết theo thủ tục chung (khoản 2 Điều 323, khoản 3 Điều 324 BLTTHS). Ví dụ: sau khi Cơ quan điều tra có quyết định đề nghị truy tố nhưng qua xem xét Viện kiểm sát thấy cần điều tra làm rõ về giá trị tài sản bị chiếm đoạt hoặc làm rõ về đặc điểm nhân thân của bị can thì Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung và đồng thời huỷ bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn. Khi đó vụ án phải giải quyết theo thủ tục chung về thời hạn điều tra và phải có kết luận điều tra...

Theo quy định của Chương XXXIV BLTTHS 2003 thì thủ tục rút gọn được thực hiện chỉ để rút ngắn về thời gian tạm giữ, tạm giam, thời hạn điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử; giản lược một số thủ tục về hình thức tố tụng như: Quyết định đề nghị truy tố thay cho Bản kết luận điều tra; Quyết định truy tố thay cho Bản cáo trạng. Còn lại, khi điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn ngoài việc áp dụng các quy định tại chương XXXIV, đồng thời phải tuân thủ các quy định khác của BLTTHS. Điều này có nghĩa: toàn bộ các trình tự thủ tục tư pháp vẫn phải được diễn ra như một vụ án thông thường. Vấn đề này là không phù hợp với thực tiễn, vì việc rút ngắn về thời gian điều tra, truy tố, xét xử nhưng không được giản lược nhiều về các trình tự tố tụng và như vậy sẽ gây khó khăn trong quá trình xây dựng hồ sơ vụ án. Ví dụ: các thủ tục khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn của Cơ quan điều tra, việc phê chuẩn của Viện kiểm sát không có sự giản lược; hay thời gian để lấy trích lục tiền án của bị can, thời gian và trình tự của việc định giá tài sản... không có sự rút ngắn. Đây chính là những nguyên nhân gây ra tâm lý ngại làm án

¹ PGS. TS. Phạm Hồng Hải, Thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự từ quy định của pháp luật tới thực tiễn áp dụng, Tạp chí kiểm sát, số 04/2006.

theo thủ tục rút gọn của những người tiến hành tố tụng. Do đó, theo chúng tôi cần có quy định giản lược hơn nữa các trình tự thủ tục khi áp dụng theo thủ tục rút gọn.

Mặt khác, cách quy định về phạm vi áp dụng tại Điều 381 BLTTHS năm 2003 chỉ mới giới hạn ở các giai đoạn của tố tụng, mà chưa xác định rõ phạm vi cần áp dụng đối với các nhóm tội phạm hay các tội phạm cụ thể (như cách quy định của các văn bản pháp luật về thủ tục tố tụng rút gọn trước đây). Điều này cũng đã làm hạn chế hiệu quả áp dụng thủ tục rút gọn trong thực tiễn. Có một thực tế xảy ra là các cơ quan tiến hành tố tụng thấy vụ án nào “thuận lợi” thì áp dụng thủ tục này để giải quyết, còn “khó khăn” thì giải quyết theo thủ tục thông thường cho có nhiều thời gian. Vì vậy, thủ tục rút gọn chủ yếu áp dụng để giải quyết các tội phạm trộm cắp tài sản, mà không áp dụng để giải quyết các loại tội phạm khác. Ví dụ: tại Hải Phòng trong các năm từ 2004 đến 2007, toàn thành phố giải quyết 91 vụ án theo thủ tục rút gọn thì có 81 vụ là án trộm cắp (chiếm 89% tổng số vụ án đã giải quyết).

Từ những phân tích về phạm vi của thủ tục rút gọn, chúng tôi thấy cần phải sửa đổi làm rõ hơn phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn theo hướng: *mở rộng phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn đến trình tự xét xử phúc thẩm; quy định cụ thể các nhóm tội phạm cần phải áp dụng khi có đủ điều kiện; giản lược hơn nữa các trình tự thời gian và thủ tục tố tụng có liên quan, có như vậy thì thủ tục rút gọn áp dụng trong thực tiễn mới đạt được hiệu quả theo mục tiêu đã đề ra.*

2.2 Điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn

Điều 319 BLTTHS quy định thủ tục rút gọn chỉ được áp dụng khi có đủ 04 điều kiện sau:

Thứ nhất: Người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang;

Thứ hai: Sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng;

Thứ ba: Tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng;

Thứ tư: Người phạm tội có căn cước, lai lịch rõ ràng.

Như vậy, trong 04 điều kiện nêu trên có 02 điều kiện gắn với sự việc phạm tội, 01 điều kiện thuộc về nhân thân người phạm tội và 01 điều kiện thuộc về tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm đã thực hiện. Chỉ khi nào trong vụ án hội tụ đầy đủ cả 04 điều kiện này thì mới được áp dụng thủ tục rút gọn. Nếu thiếu một trong 04 điều kiện nêu trên thì vụ án không được giải quyết theo thủ tục rút gọn mà phải tiến hành điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục thông thường. Do đó, để áp dụng chính xác các vụ án theo thủ tục rút gọn cần phải có nhận thức đầy đủ về nội hàm của 04 điều kiện được nêu ra tại Điều 319 BLTTHS năm 2003.

Người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang: là người đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị bắt hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện, hoặc bị đuổi bắt (Điều 82 BLTTHS năm 2003). Việc bắt người trong trường hợp này phải được lập biên bản theo đúng quy định của Điều 84 BLTTHS và nội dung biên bản phải phản ánh được đầy đủ những chứng cứ khẳng định hành vi phạm tội của người bị bắt, như: lời khai của người bị bắt, người bị hại, nhân chứng, người bắt giữ, tang vật... Như vậy, qua nội dung của biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đã cho thấy rõ cấu thành của một tội phạm cụ thể, mà không phải mất nhiều thời gian để điều tra xác minh. Do đó, hành vi phạm tội quả tang là yếu tố đầu tiên để xem xét quyết định giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

Sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng: hiện nay chưa có văn bản nào hướng dẫn thế nào là sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy những vụ phạm tội đơn giản là những vụ án thường không có đồng phạm, không có nhiều tình tiết phải mất thời gian chứng minh, hành vi phạm tội diễn ra trong một thời gian ngắn, chỉ có một hành vi đơn lẻ, việc xác định các dấu hiệu cấu thành tội phạm được thể hiện qua bốn yếu tố cấu thành đã rõ ràng.

Sự việc phạm tội có chứng cứ rõ ràng là những vụ án ngay từ ban đầu đã có đầy đủ

các tài liệu để làm rõ các yêu cầu cần phải chứng minh trong một vụ án hình sự theo quy định của Điều 63 BLTTHS: về hành vi phạm tội, thời gian, địa điểm xảy ra hành vi phạm tội; người thực hiện tội phạm; năng lực trách nhiệm hình sự; lỗi; hậu quả; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ... những yếu tố này được chứng minh qua biên bản phạm tội quả tang, lời khai, vật chứng, đặc điểm nhân thân... và thể hiện ngay ở giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Sự kiện phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng phải được thể hiện trong suốt quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, nếu trong quá trình đó mặc dù đã áp dụng thủ tục rút gọn nhưng khi phát hiện vụ án có những tình tiết phức tạp cần phải điều tra mở rộng, cần có thời gian xác minh, cần phải điều tra bổ sung... thì vụ án phải được tiến hành theo thủ tục chung và phải huỷ bỏ thủ tục rút gọn. Ví dụ: Nguyễn Văn A bị bắt quả tang khi đang trộm cắp một chiếc xe máy, qua điều tra cho thấy Nguyễn Văn A có căn cước lai lịch rõ ràng, ban đầu A khai nhận chỉ có một mình thực hiện hành vi phạm tội... Chính vì vậy, Viện kiểm sát quyết định áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án. Nhưng sau đó, Nguyễn Văn A lại khai việc trộm cắp có sự tham gia của Trần Văn B là người hướng dẫn và đứng ngoài canh gác khi A vào lấy xe. Như vậy, vụ án đã trở nên phức tạp và có nhiều yêu cầu cần được điều tra mở rộng vụ án, nên không còn đủ điều kiện để áp dụng theo thủ tục rút gọn.

Khái niệm sự việc phạm tội đơn giản chỉ có thể hiểu thông qua từng vụ việc phạm tội cụ thể, khó khái quát trong văn bản pháp luật để làm căn cứ áp dụng đối với mọi loại tội phạm. Tùy từng vụ án cụ thể, Điều tra viên, Kiểm sát viên phải là người nhanh nhạy để đánh giá chính xác, từ đó quyết định áp dụng thủ tục rút gọn đúng - đủ - kịp thời.

Tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng: để xác định yếu tố này trước hết phải căn cứ vào Điều 8 Bộ luật Hình sự quy định: “tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội

ấy là đến 3 năm tù”. Trong Bộ luật Hình sự năm 1999 có 148 điều trên tổng số 267 điều luật quy định về tội phạm ít nghiêm trọng, trong đó có 92 điều có khoản quy định hình phạt cao nhất đến 3 năm tù, 40 điều có khoản quy định đến 2 năm tù, 14 điều có khoản quy định hình phạt cao nhất đến 1 năm tù, 02 điều có khoản quy định hình phạt cao nhất nhẹ hơn hình phạt tù. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng không phải tất cả các tội phạm nêu trên đều có thể áp dụng thủ tục rút gọn, vì có nhiều tội danh tuy là ít nghiêm trọng nhưng lại hết sức phức tạp trong thu thập và đánh giá chứng cứ như các tội về môi trường, tội phạm chức vụ, tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp... Do vậy, thông thường không áp dụng thủ tục rút gọn đối với các loại tội này.

Thực tiễn hiện nay đang tồn tại một bất cập là: có nhiều vụ án có đủ 03 điều kiện còn lại nhưng không thể áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vì tội phạm xảy ra là tội nghiêm trọng. Ví dụ: Nguyễn Văn A bị bắt quả tang khi đang tàng trữ 0,1gam heroin, nhân thân chưa tiền án, tiền sự, địa chỉ rõ ràng, khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tang vật và nhân chứng... nhưng không thể áp dụng thủ tục rút gọn đối với vụ án này vì Nguyễn Văn An đã thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng (khoản 1 Điều 194 có khung hình phạt tù từ 2 năm đến 7 năm) và vụ án trên phải được giải quyết theo thủ tục chung. Vì vậy, có nhiều ý kiến của những người làm thực tiễn đề nghị xem xét sửa đổi Điều 319 để mở rộng đối tượng áp dụng thủ tục rút gọn sang cả tội phạm nghiêm trọng.

Trong thực tế, ban đầu khó có thể đánh giá chính xác hành vi phạm tội bị truy tố là ít nghiêm trọng hay nghiêm trọng vì cùng một điều luật có cả tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng. Ngoài việc xác định hành vi phạm tội thực tế, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát còn phải xác định tình tiết tăng nặng định khung khác như: tiền án, tiền sự, đối tượng tác động của tội phạm là trẻ em, người già, phụ nữ có thai... Những yếu tố này ảnh hưởng đến tính chất của hành vi phạm tội, dẫn đến đánh giá tội phạm ít nghiêm trọng hay nghiêm trọng trở nên phức tạp,

khó khăn và mất nhiều thời gian hơn. Vì vậy, khi mọi tình tiết của vụ án đã đầy đủ, hội tụ đủ bốn điều kiện được quy định ở Điều 319 BLTTHS thì mới được áp dụng thủ tục rút gọn. Nếu một trong bốn điều kiện trên chưa đầy đủ thì việc áp dụng thủ tục rút gọn sẽ không được đặt ra.

Người phạm tội có căn cước, lai lịch rõ ràng: đây là điều kiện thuộc về đặc điểm nhân thân của người phạm tội, gồm các yếu tố cơ bản như họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, dân tộc, nơi sinh, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, chỗ ở, bố mẹ, vợ chồng, anh chị em ruột, văn hoá, nghề nghiệp, tiền án, tiền sự... Yêu cầu chung của tất cả các vụ án hình sự muốn xử lý được chính xác đều phải làm rõ căn cước, lai lịch của bị can, bị cáo. Nhưng để đảm bảo yêu cầu về thời gian, để không phải xác minh kéo dài thì một yêu cầu bắt buộc để áp dụng thủ tục rút gọn là người phạm tội phải có lai lịch, căn cước rõ ràng. Chính vì vậy, trong thực tiễn khi áp dụng điều kiện này có nhiều ý kiến khác nhau. Ý kiến thứ nhất cho rằng, chỉ áp dụng điều kiện này với những bị can chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng... vì khi đó không mất nhiều thời gian để xác minh về nhân thân của bị can. Ý kiến thứ hai cho rằng, không nhất thiết như vậy, dù là bị can có tiền án, tiền sự nhưng qua xác minh, tra cứu tàng thư căn cước thấy phản ánh đầy đủ, rõ ràng đặc điểm nhân thân của bị can thì vẫn đủ điều kiện để áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án. Thực tế nhiều địa phương đã áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết các vụ án trộm cắp có giá trị tài sản bị chiếm đoạt dưới 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), nhưng người thực hiện hành vi phạm tội có nhiều tiền án, tiền sự về tội chiếm đoạt chưa được xoá. Ví dụ: một người trộm cắp một chiếc xe đạp trị giá 300.000đ, nhưng nhân thân có 1 tiền án về tội lừa đảo, 01 tiền sự chưa được xoá, như vậy có đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS và trường hợp này vẫn có đủ điều kiện để áp dụng thủ tục rút gọn. Vấn đề đặt ra ở đây là căn cước, lai lịch người phạm tội đã rõ ràng chưa? Lý lịch rõ ràng ở

đây được hiểu là lý lịch bị can đã phản ánh đúng về nhân thân của bị can, có nhận xét đầy đủ của chính quyền địa phương. Nếu đã có tiền án, tiền sự thì có đủ các tài liệu xác thực kèm theo để làm rõ những đặc điểm nhân thân của bị can, bị cáo.

Nhận thức đầy đủ, đúng đắn về 04 điều kiện để áp dụng thủ tục rút gọn là tiền đề quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn được chính xác, nhanh chóng và triệt để. Tuy nhiên, trong thực tiễn vấn đề này có nhiều nhận thức khác nhau giữa các cơ quan và người tiến hành tố tụng (đặc biệt là giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên). Vì vậy, chúng tôi thấy cần có thông tư liên ngành hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

2.3 Thẩm quyền quyết định áp dụng thủ tục rút gọn

Theo quy định của Điều 320 BLTTHS năm 2003, sau khi khởi tố vụ án, theo đề nghị của Cơ quan điều tra hoặc khi xét thấy vụ án có đủ điều kiện do luật định thì Viện kiểm sát có thể ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn. Như vậy, cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn là Viện kiểm sát cùng cấp với Cơ quan điều tra đang thụ lý vụ án. Viện kiểm sát chỉ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn sau khi đã có quyết định khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra. Việc quyết định của Viện kiểm sát trong 2 trường hợp: *thứ nhất*, theo đề nghị của Cơ quan điều tra mà Viện kiểm sát thấy đủ điều kiện thì quyết định áp dụng thủ tục này để giải quyết vụ án; *thứ hai*, thông qua hoạt động kiểm sát khởi tố Viện kiểm sát thấy có đủ điều kiện thì tự mình quyết định áp dụng thủ tục rút gọn (trong thực tiễn nếu Viện kiểm sát tự mình quyết định thì thông thường đều có trao đổi thống nhất với Cơ quan điều tra). Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát phải được gửi cho Cơ quan điều tra, bị can hoặc là người đại diện hợp pháp của họ trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành quyết định. Bị can hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại quyết định áp dụng thủ tục rút gọn trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày

(Xem tiếp trang 83)

Các bên có thể thoả thuận về việc toà án của quốc gia thành viên có thẩm quyền giải quyết bất kể tranh chấp nào đã hoặc sẽ phát sinh trong các lĩnh vực do các bên xác định. Trong trường hợp này toà án của quốc gia thành viên sẽ có thẩm quyền riêng biệt về các vụ tranh chấp đó.

Vấn đề về xung đột thẩm quyền được giải quyết theo các cách thức sau:

Thứ nhất, nếu như các đơn kiện về cùng một vụ việc và dựa trên cơ sở giữa chính các bên đưa tới toà án của hai quốc gia thì quốc gia thứ hai sẽ tạm hoãn thụ lý đơn kiện cho tới khi chưa xác định được thẩm quyền của toà án quốc gia thứ nhất. Khi thẩm quyền của toà án quốc gia thứ nhất được xác lập thì bất kỳ toà án nào khác nhận đơn kiện phải từ chối thẩm quyền.

(Tiếp theo trang 67 – Bàn về phạm ...)

nhận được quyết định. Viện kiểm sát đã ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn có trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại (việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại chương XXXV BLTTHS).

Hiện nay, dưới góc độ lý luận và thực tiễn có những ý kiến chưa đồng tình với việc quy định thẩm quyền quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn như trong BLTTHS năm 2003. Có ý kiến cho rằng, cả 3 cơ quan (Điều tra, Viện kiểm sát, Toà án) đều có thẩm quyền quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn, cụ thể ở giai đoạn tố tụng nào thì nên để cơ quan tố tụng đó quyết định, ví dụ: ở giai đoạn điều tra thì Cơ quan điều tra là người quyết định áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án; giai đoạn truy tố là Viện kiểm sát quyết định; giai đoạn xét xử là Toà án quyết định, có như vậy mới đảm bảo sự chủ động trong quá trình giải quyết vụ án².

Chúng tôi thấy rằng, với quy định của BLTTHS năm 2003 giao trách nhiệm cho Viện kiểm sát là cơ quan quyết định việc áp

Thứ hai, nếu như đơn kiện được đưa tới toà án một quốc gia thành viên về vụ tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của quốc gia thành viên khác theo quy định của các công ước thì toà án nhận đơn trên phải bác đơn kiện với lý do không có thẩm quyền;

- Thứ ba, nếu như có nhiều toà án đều có thẩm quyền riêng biệt thì toà án nhận đơn kiện đầu tiên là toà án có thẩm quyền, còn các toà án khác phải bác đơn kiện.

Một quy định rất quan trọng được ghi nhận trong Phần IX Công ước Bruc-xen liên quan các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Theo đó, đơn yêu cầu về áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được đưa tới toà án của quốc gia thành viên cả trong trường hợp thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp thuộc về toà án quốc gia thành viên khác.

dụng thủ tục rút gọn là chưa hợp lý. Bởi vì, khi vụ án xảy ra Cơ quan điều tra là người chịu trách nhiệm chính để xây dựng hồ sơ vụ án, nếu Cơ quan điều tra thấy đủ điều kiện thì Cơ quan điều tra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và như vậy Cơ quan điều tra sẽ chủ động về mọi hoạt động điều tra (Cơ quan điều tra không phải làm văn bản đề nghị Viện kiểm sát như hiện nay). Nếu qua công tác kiểm sát việc khởi tố vụ án, Viện kiểm sát thấy vụ án có đủ điều kiện áp dụng thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra thực hiện, nếu Cơ quan điều tra không thực hiện thì Viện kiểm sát mới ra quyết định áp dụng thủ tục để giải quyết vụ án, làm như vậy sẽ đề cao được vai trò và trách nhiệm của từng cơ quan trong quá trình tố tụng của vụ án và mới gián lược bớt một số thủ tục tư pháp hình sự.

Để hoàn thiện nội dung của BLTTHS năm 2003, việc làm rõ cơ sở lý luận và những vấn đề thực tiễn của phạm vi, điều kiện và thẩm quyền áp dụng của thủ tục rút gọn (một trình tự thủ tục tố tụng đặc biệt) là một yêu cầu cần thiết trong quá trình sửa đổi, bổ sung BLTTHS trong thời gian tới, có như vậy thủ tục này mới thực sự phát huy được hiệu quả trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử theo đúng mục đích đã đề ra.

² PGS. TS. Phạm Hồng Hải, Thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự từ quy định của pháp luật tới thực tiễn áp dụng, Tạp chí kiểm sát, số 04/2006.